

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2025/DS-ST
Ngày: 19-6-2025
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Chánh.

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Nguyễn Minh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025 tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 714/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2025/QĐXXST-DS ngày 15/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1464/2025/QĐST-DS ngày 03/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P1 (H1).

Địa chỉ: Số B B, N, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Nguyễn Tuấn P.

Địa chỉ liên hệ: 351, QL51, khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

Văn bản ủy quyền ngày 02/5/2024.

- Bị đơn: 1. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1974.

2. Ông Vũ Ngọc T1, sinh năm 1972.

HKTT: 06A/T7, tổ A, khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Số L, đường C, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(ông P có mặt; ông H, bà T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn Ngân hàng TMCP P1 (H1) có đại diện theo ủy quyền ông Lê Nguyễn Tuấn P trình bày:

Ngày 22/12/2022, ông Vũ Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Kim H có ký với Ngân hàng TMCP P1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng tín dụng số 43902/22MN/HĐTD, số tiền vay 1.000.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất cho vay 13,5%/năm. Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho ông T1, bà H.

Ngày 13/10/2022, ông Vũ Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Kim H có ký với Ngân hàng TMCP P1 hợp đồng tín dụng số 38997/22MN/HĐTD, số tiền vay 700.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay mua xe, lãi suất cho vay 11,5%/năm. Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho ông T1, bà H.

Căn cứ Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 13/10/2022 và Giấy đề nghị thay đổi hạn mức tín dụng ngày 09/12/2022, Ngân hàng TMCP P1 cấp cho bà Nguyễn Thị Kim H 01 thẻ tín dụng hạn mức 10.000.000đ ngày 14/10/2022 và 01 thẻ tín dụng hạn mức 60.000.000đ ngày 14/10/2023.

Căn cứ Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 23/12/2022, Ngân hàng TMCP P1 cấp cho ông Vũ Ngọc T1 01 thẻ tín dụng hạn mức 10.000.000đ ngày 23/12/2022.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 314, tờ bản đồ số 47 tọa lạc tại xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 088545 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 21/11/2022 cho ông Vũ Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị Kim H.

(Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 36939/22MN/HĐBĐ ngày 22/12/2022 giữa Ngân hàng TMCP P1 với ông Vũ Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Kim H, đăng ký giao dịch bảo đảm theo hồ sơ số 003018.TC.002 ngày 22/12/2022).

+ 01 xe ô tô hiệu KIA SPORTAGE biển kiểm soát 60K-197.55, số khung FNYPE5CA8NC275999, số máy D4HDNH019441 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số (60) 052459 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 29/9/2022 cho bà Nguyễn Thị Kim H.

Do ông T1, bà H nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Vũ Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị Kim H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến hết ngày 19/6/2025 là 2.096.658.625đ (trong đó nợ gốc là 1.606.736.415đ, nợ lãi trong hạn là 137.059.059đ, lãi quá hạn là 352.863.151đ) và tiếp tục trả khoản lãi phát sinh kể từ ngày 20/6/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận.

Trường hợp ông Vũ Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị Kim H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp trên để thu hồi toàn bộ nợ vay.

Bị đơn ông Vũ Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Kim H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P1, buộc bị đơn ông Vũ Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị Kim H phải trả cho Ngân hàng TMCP P1 số tiền tính đến ngày 19/6/2025 là 2.096.658.625đ (trong đó nợ gốc là 1.606.736.415đ, nợ lãi trong hạn là 137.059.059đ, lãi quá hạn là 352.863.151đ) và tiếp tục trả khoản lãi phát sinh kể từ ngày 20/6/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận.

Trường hợp ông Vũ Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị Kim H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp trên để thu hồi toàn bộ nợ vay.

Ông T1, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP P1 khởi kiện yêu cầu ông Vũ Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị Kim H thực hiện nghĩa vụ trả nợ thanh toán tiền nợ gốc và lãi tại hợp đồng tín dụng số 38997/22MN/HĐTD ngày 13/10/2022, hợp đồng tín dụng số 43902/22MN/HĐTD ngày 22/12/2022, hợp đồng mở thẻ tín dụng. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định Ngân hàng TMCP P1 là nguyên đơn, ông Vũ Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị Kim H là bị đơn. Căn cứ khoản 3, 14, 16 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc giải quyết vắng mặt các đương sự: Ông Vũ Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Kim H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu nợ gốc: Ngân hàng TMCP P1 yêu cầu bị đơn ông Vũ Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị Kim H phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vay tính đến ngày 19/6/2025 là 2.096.658.625đ (trong đó nợ gốc là 1.606.736.415đ, nợ lãi trong hạn là 137.059.059đ, lãi quá hạn là 352.863.151đ) và tiếp tục trả khoản lãi phát sinh kể từ ngày 20/6/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp bản sao các tài liệu, chứng cứ gồm: hợp đồng tín dụng số 38997/22MN/HĐTD ngày 13/10/2022, hợp đồng tín dụng số 43902/22MN/HĐTD ngày 22/12/2022, hợp đồng mở thẻ tín dụng.

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 38997/22MN/HĐTD ngày 13/10/2022, hợp đồng tín dụng số 43902/22MN/HĐTD ngày 22/12/2022, giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP P1 với ông Vũ Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Kim H, nhận thấy: giữa Ngân hàng TMCP P1 và ông Vũ Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Kim H có phát sinh quan hệ tín dụng. Theo đó, ông Vũ Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Kim H vay của Ngân hàng số tiền 700.000.000đ và

1.000.000.000đ; được cấp tín dụng số tiền 10.000.000đ cho ông T1 và 70.000.000đ cho bà H.

Điều 6.1.a Hợp đồng tín dụng số 38997/22MN/HĐTD ngày 13/10/2022 và Điều 7.1.a Hợp đồng tín dụng số 43902/22MN/HĐTD ngày 22/12/2022 các bên thỏa thuận: H1 có quyền ngừng giải ngân/chấm dứt việc cấp tín dụng và thu hồi nợ trước hạn trong các trường hợp sau: bên được cấp tín dụng/bên bảo đảm (nếu có) vi phạm điều khoản HĐTDHM, KUNN, hợp đồng bảo đảm/bất cứ thỏa thuận, cam kết nào khác.

Xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1, bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng đã yêu cầu ông T1, bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Tuy nhiên, tính đến nay ông T1, bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P1 buộc bị đơn ông Vũ Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Kim H phải thanh toán số nợ gốc 1.606.736.415đ (một tỷ sáu trăm lẻ sáu triệu bảy trăm ba mươi sáu ngàn bốn trăm mười lăm đồng), cụ thể: hợp đồng tín dụng số 38997/22MN/HĐTD ngày 13/10/2022 số tiền 548.329.000đ, hợp đồng tín dụng số 43902/22MN/HĐTD ngày 22/12/2022 số tiền 1.000.000.000đ, thẻ tín dụng ngày cấp cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 58.407.415đ) là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu về tiền lãi: Điều 2 Hợp đồng tín dụng số 38997/22MN/HĐTD ngày 13/10/2022 và Hợp đồng tín dụng số 43902/22MN/HĐTD ngày 22/12/2022 các bên thỏa thuận: Lãi suất trong hạn được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể theo thỏa thuận của hai bên trên cơ sở lãi suất cho vay được H1 ban hành từng thời kỳ và được điều chỉnh theo thông báo của H1 trong suốt thời gian vay; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi chậm trả lãi bằng 10%/năm.

Theo Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: *1. Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất. 2. Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất. Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín*

dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, việc thỏa thuận lãi của các bên là tự nguyện. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Vũ Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Kim H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và gốc. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P1 buộc ông Vũ Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Kim H phải thanh toán toàn bộ số tiền tính đến ngày 19/6/2025 là 2.096.658.625đ (trong đó nợ gốc là 1.606.736.415đ, nợ lãi trong hạn là 137.059.059đ, lãi quá hạn là 352.863.151đ) và tiếp tục trả khoản lãi phát sinh kể từ ngày 20/6/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Tại Điều 3 Hợp đồng tín dụng số 38997/22MN/HĐTD ngày 13/10/2022 các bên thỏa thuận: Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của bên được cấp tín dụng theo hợp đồng này là xe ô tô KIA SPORTAGE, biển kiểm soát 60K-197.55 và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bên vay/bên được cấp tín dụng và/hoặc bên thứ ba. Tại Điều 3 Hợp đồng tín dụng số 43902/22MN/HĐTD ngày 22/12/2022 các bên thỏa thuận: Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của bên được cấp tín dụng theo hợp đồng này là bất động sản tại thửa đất số 314, tờ bản đồ số 47, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bên vay/bên được cấp tín dụng và/hoặc bên thứ ba.

Tại Điều 2.1, 4.1 hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/phương tiện vận tải ngày 13/10/2022 các bên thỏa thuận: tài sản thế chấp là ô tô KIA SPORTAGE, biển kiểm soát 60K-197.55, nghĩa vụ được bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp theo hợp đồng tín dụng số 38997/22MN/HĐTD ngày 13/10/2022, các hợp đồng tín dụng khác được ký kết giữa H1 và bên thế chấp. Tại Điều 2.1, 4.1 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 36939/22MN/HĐBĐ ngày 22/12/2022 các bên thỏa thuận: tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất tại thửa 314, tờ bản đồ số 47, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, nghĩa vụ được bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp theo hợp đồng tín dụng số 43902/22MN/HĐTD ngày 22/12/2022, các hợp đồng tín dụng khác được ký kết giữa H1 và bên thế chấp.

Qua sao lục hồ sơ cấp GCNQSDD và qua xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 314, tờ bản đồ số 47, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, nhận thấy: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 314, tờ bản đồ số 47, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 088545 ngày 21/11/2022 cho ông Vũ Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị Kim H. Ông Vũ Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị Kim H đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số

36939/22MN/HĐBĐ ngày 22/12/2022 và đăng ký giao dịch bảo đảm theo hồ sơ số 003018.TC.002 ngày 22/12/2022. Hiện nay, trên diện tích đất thế chấp chỉ có một số cây tự mọc không có giá trị, không có ai đang sinh sống.

Qua xác minh xe ô tô con nhãn hiệu KIA, loại xe SPORTAGE, số máy D4HDNH019441, số khung RNYPE5CA8NC275999, biển số 60K-197.55 được biết: chủ xe là bà Nguyễn Thị Kim H, ngày đăng ký 29/9/2022. Ông H, bà T1 đã ký hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/phương tiện vận tải số 33398/22MN/HĐBĐ ngày 13/10/2022 với Ngân hàng TMCP P1.

Xét việc ký kết hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng TMCP P1 và ông Vũ Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị Kim H là tự nguyện và đúng quy định pháp luật. Theo khoản 6 Điều 320 Bộ luật dân sự quy định: *Bên thế chấp có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp để xử lý khi thuộc một trong các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm quy định tại Điều 299 Bộ luật này.* Khoản 2 Điều 299 Bộ luật dân sự quy định các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm là khi: *Bên có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm trước thời hạn do vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận.* Điểm c khoản 2 Điều 324 Bộ luật dân sự quy định: *Người thứ ba giữ tài sản thế chấp có nghĩa vụ giao lại tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp hoặc bên thế chấp theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.* Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P1 về việc trường hợp ông Vũ Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị Kim H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP P1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 314, tờ bản đồ số 47, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 088545 ngày 21/11/2022 cho ông Vũ Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị Kim H và xe ô tô con nhãn hiệu KIA, loại xe SPORTAGE, số máy D4HDNH019441, số khung RNYPE5CA8NC275999, biển số 60K-197.55 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 60 052459 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 29/9/2022 là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Vũ Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 4.400.000đ (Bốn triệu bốn trăm ngàn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do nguyên đơn đã đóng tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, do đó buộc bị đơn có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Vũ Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 73.933.173đ (72.000.000đ + 2% x (2.096.658.625đ – 2.000.000.000đ)). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P1 tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 30, 35, 39, 68, khoản 1 Điều 147, Điều 157, 158, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 299, 320, 324, 357 Bộ luật dân sự;
- Áp dụng Điều 4, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Áp dụng Điều 7, 8, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần P1 đối với bị đơn ông Vũ Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Kim H về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Vũ Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Kim H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P1 số tiền tính đến ngày 19/6/2025 là 2.096.658.625đ (hai tỷ không trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng). Trong đó nợ gốc là 1.606.736.415đ, nợ lãi trong hạn là 137.059.059đ, lãi quá hạn là 352.863.151đ. Cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số 38997/22MN/HĐTD ngày 13/10/2022, số tiền 678.362.545đ (trong đó nợ gốc là 548.329.000đ, nợ lãi trong hạn 90.076.908đ, lãi quá hạn 39.956.637đ).

+ Hợp đồng tín dụng số 43902/22MN/HĐTD ngày 22/12/2022, số tiền 1.295.133.852đ (trong đó nợ gốc là 1.000.000.000đ, nợ lãi trong hạn 17.586.301đ, lãi quá hạn 277.547.551đ).

+ Thẻ tín dụng cấp cho bà Nguyễn Thị Kim H, số tiền 123.162.228đ (trong đó nợ gốc là 58.407.415đ, nợ lãi trong hạn 29.395.850đ, lãi quá hạn 35.358.963đ).

Kể từ ngày 20/6/2025, ông Vũ Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Kim H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp ông Vũ Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Kim H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần P1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 314, tờ bản đồ số 47, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 088545 ngày 21/11/2022 cho ông Vũ Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị Kim H (theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 36939/22MN/HĐBĐ ngày 22/12/2022 giữa ông Vũ Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Kim H và Ngân hàng TMCP P1, đăng ký giao dịch bảo đảm theo hồ sơ số 003018.TC.002 ngày 22/12/2022).

- Xe ô tô con nhãn hiệu KIA, loại xe SPORTAGE, số máy D4HDNH019441, số khung RNYPE5CA8NC275999, biển số 60K-197.55 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 60 052459 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 29/9/2022 cho bà Nguyễn Thị Kim H (theo hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/phương tiện vận tải số 33398/22MN/HĐBĐ ngày 13/10/2022 giữa ông Vũ Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Kim H và Ngân hàng TMCP P1).

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Vũ Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Kim H có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 4.400.000đ (Bốn triệu bốn trăm ngàn đồng) cho Ngân hàng TMCP P1.

3. Về án phí: Ông Vũ Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 73.933.173đ (bảy mươi ba triệu chín trăm ba mươi ba ngàn một trăm bảy mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP P1 số tiền 31.869.540đ (Ba mươi một triệu tám trăm sáu mươi chín ngàn năm trăm bốn mươi đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004438 ngày 28/6/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tp Biên Hòa;
- Chi cục THADS tp. Biên Hòa
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Thanh Thủy